

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						280 077	78 453	201 624			
I		CẢNG CHÍNH						45 509	8 339	37 170			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						9 802	8 339	1 463			
1		ĐẠM NINH BÌNH	31/05	894/05	18/05	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045	3 004	41	19/05		
2		KDT HÀ BẮC	19/05	901/05	31/05	BN 1498	BÙN 3B	1 045	1 026	19	19/05	TD	
3		VTT VINACOMIN	19/05	897/05	31/05	BN 2625	BÙN 3B	800	792	8	20/05	TD	THAY TBGT SỐ 799/4 NGÀY 06/05/2025
4		ĐẠM HÀ BẮC	13/05	872/05	28/05	1TD 51	CÁM 4A.1	2 362	2 335	27	20/05		MÓN: 2.334,85
5		VẬN TẢI KDT VINACOMIN	20/05	906/05	31/05	BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 000	433	567	DỖ	TD	
6		KDT HÀ BẮC	20/05	908/05	31/05	BN 2678	BÙN 3B	1 550	749	801	DỖ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						35 707		35 707			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
7		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
8		ĐVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
10		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	827/05	21/05	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
11		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	
12		THAN SÔNG HỒNG	06/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
13		VTT VINACOMIN	07/05	838/05	22/05	BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	THAY TBGT SỐ 808/05 NGÀY 02/05/2025
14		ĐVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
16		ĐIỆN NGHI SƠN	10/05	857/05		TRƯỜNG SA 126	CÁM 5A.10	5 250		5 250			
18		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
19		THAN ƯƠNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
20		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
21		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
22		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
23		KDT HÀ BẮC	19/05	896/05	31/05	BN 1136	BÙN 3B	1 350		1 350		TD	
25		COALIMEX	20/05	905/05	31/05	BN 1348	CÁM 4B.1	990		990		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		KDT HÀ BẮC	20/05	907/05	31/05	BN 1939	BÙN 3B	1 199		1 199		TD	
		Tàu chuyển tải						137 100	44 389	92 711			
		Tàu đang làm hàng						68 800	44 389	24 411			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	12/05	865/05		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000	35 042	10 958	ĐỎ		TTCO: 10.000 - TTHG:36.000
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG 1	12/05	870/05		QUANG VINH 188	CÁM 5A.14	22 800	9 347	13 453	ĐỎ		
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						68 300		68 300			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/05	898-B/05		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 600		27 600			TTHG:20.000 - KVCP:7.700
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/05	899/05		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	40 700		40 700			TTCO: 25.000 - CLM:5.000 - CP KDT:5.000 - KVCP:5.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT						58 249	4 944	53 305			
		Tàu đã làm hàng						4 993	4 944	49			
1		COALIMEX	17/5	863	31/5	BN - 2228	CỤC 1B	1 000	986	14	20/5	TD	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	19/5	941	31/5	QN - 1659	CÁM 5B.14	1 500	1 482	18	20/5		
3		MIỀN BẮC	20/5	1 016	31/5	BN - 2329	CÁM 7B	1 500	1 488	12	20/5	PT CB	
4		SÔNG HỒNG	17/5	860	31/5	BN - 1348	CỤC 1B	993	987	6	20/5	TD	
		Tàu đã làm lệnh						53 256		53 256			
1		CP DVVT QNINH	01/5	1482/4	15/5	BN - 2699	CỤC 8C	1 700		1 700		TD	
2		CP VT&KD THAN	29/4	1 493	30/4	BN- 1879	CỤC 8C	1 050		1 050		TD	
3		CP ĐTTM&DV	29/4	1 499	30/4	BN - 1468	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
4		COALIMEX	10/5	1511/4	25/5	HD - 2528	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
5		SX&TM THAN ƯƠNG BÍ	29/4	1 516	30/4	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		MIỀN NAM	29/4	1 520	30/4	THÀNH AN 45	CÁM 8A	1 945		1 945		TD	
7		CROMIT THANH HOÁ	29/4	1 531	30/4	NB - 8881	CÁM 8A	1 035		1 035		TD	
8		COALIMEX	29/4	1 532	30/4	BN - 0988	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
9		COALIMEX	29/4	1 535	30/4	BN - 2023	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
10		COALIMEX	30/4	1 542	30/4	BN - 2128	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
11		XD CN MỎ	30/4	1 544	30/4	BN - 2228	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	
12		COALIMEX	30/4	1 675	30/4	BN - 2646	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
13		CP DVVT QNINH	06/5	227	21/5	BN - 1936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
14		CP ĐTTM&DV	07/5	259	22/5	BN - 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
15		CP VT THUỶ	07/5	260	22/5	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
16		CP HÀNG HẢI VN	08/5	335	23/5	BN - 2006	CÁM 8A	1 048		1 048		TD	
17		HẢI PHÒNG	08/5	344	23/5	HD - 7688	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
18		CP VT&KD THAN	08/5	356	23/5	BN - 2005	CÁM 8A	1 150		1 150		TD	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 05 NĂM 2025

[illegible]

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 05 NĂM 2025

[illegible]

|

|

